

Số: /TTr-NHNN

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

**DỰ THẢO**

**TỜ TRÌNH**

Về việc ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Kính gửi: Thủ tướng Chính phủ

Căn cứ quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại tiết b, điểm 3, Mục II Quyết định 257/QĐ-TTg ngày 29/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) rà soát, xây dựng Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn theo quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD và ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Lê Minh Khái tại văn bản .... đồng ý với kiến nghị của NHNN về việc áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg; NHNN đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, Ngành, đơn vị có liên quan nghiên cứu soạn thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi là Quyết định của Thủ tướng Chính phủ). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xin báo cáo và kính trình Thủ tướng Chính phủ như sau:

**I. Sự cần thiết ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Ngày 18/01/2024, Quốc hội đã thông qua Luật các TCTD năm 2024, có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2024. Theo đó, khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 quy định về giới hạn cấp tín dụng như sau:

*“1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó của ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô không được vượt quá tỷ lệ sau đây:*

*a) Từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2026: 14% vốn tự có đối với một khách hàng; 23% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;*

*b) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2027: 13% vốn tự có đối với một khách hàng; 21% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;*

c) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2028: 12% vốn tự có đối với một khách hàng; 19% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

d) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2028 đến trước ngày 01 tháng 01 năm 2029: 11% vốn tự có đối với một khách hàng; 17% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

đ) Từ ngày 01 tháng 01 năm 2029: 10% vốn tự có đối với một khách hàng; 15% vốn tự có đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 15% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng; tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 25% vốn tự có của tổ chức tín dụng phi ngân hàng.

7. Trong trường hợp đặc biệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng thì Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này.

Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa trong trường hợp tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt quá giới hạn quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này”.

Hiện nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Tuy nhiên, theo danh mục ban hành văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-TTg ngày 11/01/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là văn bản quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các tổ chức tín dụng. Do vậy, khi Luật này hết hiệu lực thì hành thì Quyết định 13/2018/QĐ-TTg sẽ hết hiệu lực đồng thời.

Vì vậy, để đảm bảo hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 đồng bộ với thời gian có hiệu lực của Luật các TCTD năm 2024, việc nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg) là cần thiết.

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định 13/2018/QĐ-TTg, NHNN xét thấy có một số nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai như: (i) Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy,

các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Vì vậy, việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại khoản 4, Điều 3, Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung; (ii) Bổ sung thêm quy định, sau khi xin ý kiến các Bộ, ngành, cơ quan, liên quan, trường hợp hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD để làm rõ hơn trình tự thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; (iii) Bổ sung nhiệm vụ của các Bộ, ngành, địa phương trong việc giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi, chức năng nhiệm vụ được giao.

Trên cơ sở nội dung nêu trên, NHNN xét thấy việc xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là cần thiết, phù hợp về cơ sở pháp lý cũng như cơ sở thực tiễn.

## **II. Mục đích, quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định:**

### **1. Mục đích:**

Việc xây dựng dự thảo Quyết định nhằm mục đích sửa đổi, bổ sung một số nội dung về căn cứ ban hành Quyết định, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, văn bản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD) cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

### **2. Quan điểm xây dựng dự thảo Quyết định:**

- Bảo đảm tuân thủ và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Kế thừa các nội dung còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung các quy định cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

- Quy định chi tiết các điều, khoản mà Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 giao cho Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

## **III. Quá trình xây dựng Dự thảo Quyết định**

Việc triển khai xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được NHNN thực hiện đúng theo quy định về trình tự và thủ tục ban hành văn

bản quy phạm pháp luật, trên tinh thần khẩn trương để hoàn thành đúng tiến độ.  
Cụ thể:

1. Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (đã sửa đổi, bổ sung) và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016, Nghị định 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, để việc ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ được triển khai đồng bộ với hiệu lực của Luật các tổ chức tín dụng năm 2024, NHNN đã có Tờ trình 21/TTr-NHNN ngày 06/03/2024 trình Thủ tướng Chính phủ cho phép áp dụng trình tự, thủ tục rút gọn trong việc xây dựng, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

2. Ngân hàng Nhà nước xây dựng dự thảo Quyết định và đã có văn bản số 2602/NHNN-TD, 2603/NHNN-TD ngày 03/04/2024; 3208/NHNN-TD ngày 16/04/2024 gửi xin ý kiến của một số Bộ, ngành, đơn vị có liên quan; đồng thời, NHNN có Công văn 1536/NHNN-TD ngày 04/03/2024 và 2697/NHNN-TD ngày 05/04/2024 xin ý kiến 02 lần một số tổ chức tín dụng về nội dung dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đăng tải dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên Công thông tin điện tử của Chính phủ và trang tin điện tử Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để lấy ý kiến của các tổ chức, cá nhân;

4. Gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp;

5. Sau khi Bộ Tư pháp có ý kiến thẩm định (Công văn số ... ngày ...), Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ ký ban hành Quyết định.

#### **IV. Bố cục, nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định**

##### **2. Bố cục:**

Dự thảo Quyết định gồm 3 chương với 8 Điều, cụ thể:

- Chương I: Quy định chung

+ Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

+ Điều 2: Đối tượng áp dụng

- Chương II: Quy định cụ thể

+ Điều 3: Điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn

+ Điều 4: Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn

+ Điều 5: Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn

+ Điều 6: Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn

- Chương III: Tổ chức thực hiện và điều khoản thi hành

+ Điều 7: Tổ chức thực hiện

+ Điều 8: Điều khoản thi hành

## 2. Nội dung cơ bản của Dự thảo Quyết định:

Nội dung dự thảo Quyết định được xây dựng trên cơ sở kế thừa những quy định còn phù hợp của Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và sửa đổi, bổ sung một số nội dung cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 và tình hình thực tế triển khai Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Theo đó, dự thảo Quyết định gồm 3 chương, 8 Điều, với một số nội dung sửa đổi, bổ sung chính như sau (*Chi tiết tại bản so sánh sửa đổi, bổ sung Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg*):

a) Sửa đổi căn cứ ban hành dự thảo Quyết định: Căn cứ ban hành dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ là Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

b) Sửa đổi về phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1, Điều 2):

- Điều 1 về phạm vi điều chỉnh: Dự thảo Quyết định đã điều chỉnh cụm từ: “*trình tự*” thành: “*thủ tục*” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

- Điều 2 về đối tượng áp dụng: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi đối tượng: “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng khác*” thành: “*Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính chuyên ngành và công ty tài chính tổng hợp*” cho phù hợp với định nghĩa mới về tổ chức tín dụng phi ngân hàng tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

c) Sửa đổi về điều kiện xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 3):

- Tiết b, khoản 2, Điều 3: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi nội dung: “*Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng và các quy định của pháp luật có liên quan*” thành: “*Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động theo quy định tại Luật các tổ chức tín dụng*”, để đảm bảo tính rõ ràng, mạch lạc của quy định và thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện.

- Tiết d, khoản 2, Điều 3: Dự thảo Quyết định đã sửa đổi nội dung: “*Đảm bảo giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị*” thành: “*Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 8 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị*” cho phù hợp với quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

d) Về hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 4):

- Điểm e, khoản 1, Điều 4: Dự thảo Quyết định sửa đổi thành: “*Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức, báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)*”, do: (i) Qua rà soát, đối với các trường hợp tương tự như tại Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 hướng dẫn Luật Đầu tư cũng quy định nhà đầu tư cung cấp báo cáo tài chính của 02 năm; (ii) TCTD đề nghị chỉnh sửa để phù hợp với các doanh nghiệp mới thành lập pháp nhân mới, độc lập để thực hiện và quản lý dự án.

- Điểm c, d, khoản 2, Điều 4: Bổ sung cụm từ “*nếu có*” vào cuối mỗi điểm c, d để đảm bảo tính đầy đủ, chặt chẽ của văn bản.

e) Sửa đổi về thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn (Điều 6):

- Tên Điều 6 dự thảo Quyết định, hiệu chỉnh cụm từ: “*Trình tự thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn*” thành: “*Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn*” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 giao Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

- Khoản 1, Điều 6: Dự thảo Quyết định sửa đổi nội dung: “*Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ quy định tại Điều 4 Quyết định này trực tiếp hoặc bằng điện bưu điện*” thành: “*Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính*”.

- Khoản 3, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ nội dung: “*Trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình những vấn đề mà các bộ, ngành, địa phương có ý kiến*” để tránh trùng lặp, đảm bảo tính mạch lạc của quy định.

- Khoản 4, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN và sửa thành:

“*Sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:*

- *Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.*

- *Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng”, do:*

(i) NHNN xét thấy, việc kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn sau khi có đầy đủ ý kiến của các bộ, ngành, địa phương có liên quan là khách quan, phù hợp, đảm bảo tính đầy đủ, rõ ràng của quy định. Trên cơ sở đó, trường hợp hồ sơ không hợp lệ, NHNN có văn bản thông báo cho TCTD. Trường hợp hồ sơ hợp lệ, NHNN báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD. Quy định này về cơ bản không thay đổi so với quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg, theo đó, NHNN chỉ xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các hồ sơ đáp ứng điều kiện xem xét chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn.

(ii) NHNN đề nghị bỏ quy định về thời hạn xử lý của NHNN, do quá trình xử lý một khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn thường rất phức tạp, mất rất nhiều thời gian nên dẫn tới không đáp ứng đúng quy định thời hạn tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Thực tế triển khai cho thấy, sau khi Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ban hành và có hiệu lực thi hành, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt 01 khoản cấp tín dụng vượt giới hạn của NHTM CP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) đối với EVN để thực hiện Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1.

NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét khoản cấp tín dụng vượt giới hạn nêu trên rất chặt chẽ, bảo đảm tuân thủ đầy đủ các quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và các quy định của pháp luật có liên quan. Theo đó, trong quá trình xem xét, NHNN có nhiều văn bản yêu cầu TCTD giải trình, bổ sung những nội dung cần làm rõ; nhiều lần xin ý kiến các Bộ, ngành có liên quan; các Vụ, Cục thuộc NHNN có nhiều lần có văn bản tham gia ý kiến. Ngoài ra, Thường trực Chính phủ họp 02 lần cho ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của VCB.

Do khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định tại khoản 4, Điều 6 Quyết định 13/2018/QĐ-TTg.

Như vậy, việc quy định thời hạn 10 ngày làm việc sau khi nhận đầy đủ ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, NHNN trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg là chưa phù hợp, cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình triển khai thực tế.

- Khoản 5, Điều 6: Dự thảo Quyết định bỏ nội dung: “*Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo ý kiến của Thủ tướng Chính phủ cho tổ chức tín dụng biết, thực hiện*” và sửa đổi khoản 5, Điều 6 thành: “*Căn cứ*

đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng” cho phù hợp với quy định tại khoản 7, Điều 136 Luật các TCTD năm 2024 là Thủ tướng Chính phủ quyết định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

f) Sửa đổi về tổ chức thực hiện (Điều 7)

- Khoản 2, Điều 7 bổ sung thêm trách nhiệm của các Bộ, ngành, địa phương: “*Giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình*” nhằm tạo cơ sở pháp lý đầy đủ, rõ ràng và nâng cao vai trò, trách nhiệm của các bộ, ngành liên quan trong việc tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định việc cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD.

- Điểm a, khoản 3, Điều 7: Dự thảo Quyết định sửa nội dung trách nhiệm của TCTD: “*Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng*” thành “*Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng*” cho phù hợp với nội dung tại khoản 5, Điều 6 dự thảo Quyết định.

g) Ngoài ra, tại Phụ lục văn bản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD, dự thảo Quyết định sửa đổi phần kiến nghị của TCTD để làm rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn và mức cấp tín dụng vượt giới hạn tối đa mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận cho phù hợp với quy định về giới hạn cấp tín dụng mới quy định tại Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 (đính kèm).

## V. Về đánh giá thủ tục hành chính

Dự thảo Quyết định quy định 01 thủ tục hành chính là thủ tục đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, thủ tục này đã và đang thực hiện tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Theo đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã hoàn thiện Bản đánh giá thủ tục hành chính liên quan đến quy trình đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn (Biểu đánh giá đính kèm).

## VI. Tính tương thích với điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam là thành viên

Dự thảo Quyết định phù hợp với các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia, cụ thể:

- Đến nay Việt Nam đã tham gia hai tổ chức thương mại, kinh tế đa phương là Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và đã tham gia và đang đàm phán 19 Hiệp định thương mại tự do (FTA).

- Dự thảo Quyết định không quy định về các hình thức hỗ trợ, tài trợ thương mại. Tổ chức tín dụng tự chịu trách nhiệm về việc thẩm định, đánh giá



hiệu quả, cấp tín dụng, thu hồi nợ vay (gốc và lãi) của khoản cấp tín dụng. Lãi suất cho vay là lãi suất thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng, nguồn vốn cho vay do tổ chức tín dụng tự huy động trên thị trường. Do đó, nội dung Dự thảo Quyết định không có tác động bóp méo thương mại và không trợ giá cho tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên thị trường.

## **VII. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Quyết định sau khi được thông qua**

Các cơ chế, chính sách tại dự thảo Quyết định về cơ bản đã và đang được thực hiện tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg. Do đó, khi dự thảo Quyết định thông qua không làm phát sinh thêm chi phí quản lý nhà nước, không phát sinh thêm bộ máy tổ chức thi hành Quyết định của đối tượng điều chỉnh,... Vì vậy, nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, công nghệ, nhân lực hiện nay đủ điều kiện cho việc thi hành Quyết định sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành, bảo đảm tính khả thi của chính sách.

## **VIII. Ý kiến tham gia của các Bộ, ngành và đối tượng chịu sự tác động**

1. NHNN đã tổng hợp ý kiến tham gia của 08 TCTD và ý kiến của 06 Bộ, cơ quan (Nội vụ, Ngoại giao, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam)<sup>1</sup>. Về cơ bản, các Bộ, ngành và TCTD thống nhất ý kiến đối với dự thảo Quyết định do NHNN xây dựng<sup>2</sup>. Đối với các ý kiến tham gia khác, Ngân hàng Nhà nước đã tiếp thu, hoàn thiện tại dự thảo Quyết định (*Chi tiết tại Bản giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân và TCTD*). Ngoài ra, còn một số nội dung NHNN bảo lưu theo dự thảo Quyết định, NHNN xin giải trình như sau:

a) Đề nghị bổ sung thêm quy định thời hạn NHNN có văn bản trả lời các TCTD về việc hồ sơ của TCTD không đáp ứng được các điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn và thời hạn Thủ tướng Chính phủ có ý kiến về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của TCTD trên cơ sở hồ sơ do NHNN trình:

Ý kiến của NHNN: Khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, mức cam kết tài trợ của TCTD đối với khách hàng thường rất lớn; nội dung cần tham gia ý kiến rất phức tạp, trách nhiệm lớn. Vì vậy, các Đơn vị được xin ý kiến rất thận trọng và phải lấy ý kiến của các đơn vị có liên quan nên một số đơn vị không gửi ý kiến kịp thời theo quy định dẫn tới vượt thời hạn quy định. Vì vậy, việc quy định cụ thể về thời hạn xử lý của NHNN và Thủ tướng Chính phủ là chưa phù hợp.

<sup>1</sup> Qua trao đổi, Bộ Xây dựng và Bộ Ngoại giao thống nhất với nội dung dự thảo Quyết định do NHNN xây dựng nhưng chưa có văn bản tham gia ý kiến.

<sup>2</sup> 07 Bộ, cơ quan và TCTD, gồm: Bộ Nội Vụ, Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Techcombank, SeABank, Eximbank, EVNFC.

b) Đề nghị bổ sung thêm nội dung về tình trạng nợ tại thời điểm hiện tại, cụ thể: *"Tại thời điểm đề xuất cấp tín dụng vượt giới hạn, khách hàng có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD"*.

Ý kiến của NHNN: Theo quy định tại Luật các TCTD và Thông tư 39/2016/TT-NHNN không có quy định về việc khách hàng phải có dư nợ vay đủ tiêu chuẩn tại các TCTD mới được đề nghị cấp tín dụng.

c) Đề nghị NHNN xem xét quy định khách hàng cung cấp báo cáo tài chính đã được kiểm toán tối thiểu 01 năm liền kề trước năm đề nghị do thực tế có những khách hàng của các Tập đoàn lớn được thành lập để thực hiện dự án, không có đủ báo cáo tài chính của 03 năm liền kề trước năm đề nghị nhưng được TCTD đánh giá phương án/dự án khả thi, hiệu quả, tình hình tài chính tốt, đáp ứng điều kiện cấp tín dụng.

Ý kiến của NHNN: Điểm e, khoản 1, Điều 4 dự thảo Quyết định đã chỉnh sửa theo hướng: *"e. Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có)"*.

d) Điểm a, khoản 1, Điều 3 dự thảo Quyết định quy định: *"....có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không quá ba lần..."*

Theo quy định tại khoản 1, Điều 77 Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư quy định: *"Nhà đầu tư phải góp vốn chủ sở hữu tối thiểu là 15% tổng mức đầu tư dự án không bao gồm vốn nhà nước quy định tại điều 70 và Điều 72 Luật này"*. Đối với dự án PPP lĩnh vực giao thông có mức đầu tư lớn, thời gian hoàn vốn dài, nhà đầu tư được phép vay tối đa 85% tổng mức đầu tư dự án có thể làm cho doanh nghiệp có nợ phải trả quá 3 lần vốn chủ sở hữu, làm hạn chế cơ hội tiếp cận vốn của các dự án đầu tư. Do vậy, đề nghị NHNN nghiên cứu, đánh giá tác động của chính sách này để quy định hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu cho phù hợp.

Ý kiến của NHNN: Việc xem xét cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn là dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội lớn, mức đề nghị cấp tín lớn. Vì vậy, khách hàng vay vốn được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn cần có tình hình tài chính được các TCTD đánh giá là lành mạnh, có khả năng về tài chính và có khả năng trả nợ,... Ngoài ra, nội dung này giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai không phát sinh, vướng mắc.

Vi vậy, NHNN xét thấy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là cần thiết và phù hợp.

## VIII. Ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp

.....

## IX. Kiến nghị:

NHNN đã hoàn thành soạn thảo Dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

*Hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:*

- 1. Tờ trình về dự thảo Quyết định.*
- 2. Dự thảo Quyết định đã được chỉnh lý sau khi có ý kiến thẩm định.*
- 3. Báo cáo thẩm định; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định.*
- 4. Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức, cá nhân.*
- 5. Tài liệu khác (nếu có).*

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kính trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

### **Nơi nhận:**

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, Công Thương, Tài chính, VPCP, Xây dựng, Giao thông vận tải, Ngoại giao, Nội Vụ, UBQLV;
- Lưu: VP, Vụ TD, V.T.Hường.

### **Đính kèm:**

- Dự thảo Quyết định;
- Tài liệu có liên quan.

**KT. THÔNG ĐỐC  
PHÓ THÔNG ĐỐC**

**Đào Minh Tú**

DỰ THẢO  
ngày ...../04/2024

## QUYẾT ĐỊNH

Quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;

Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Chương I

#### QUY ĐỊNH CHUNG

##### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 7 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024.

##### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là tổ chức tín dụng) bao gồm:

a) Ngân hàng: Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, ngân hàng hợp tác xã; ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài.

b) Tổ chức tín dụng phi ngân hàng: Công ty tài chính tổng hợp; Công ty tài chính chuyên ngành;

c) Quỹ tín dụng nhân dân;

d) Tổ chức tài chính vi mô;

e) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

2. Khách hàng vay vốn, tổ chức, cá nhân có liên quan.

## **Chương II**

### **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

#### **Điều 3. Điều kiện xem xét chấp thuận khoản cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Khách hàng vay vốn, dự án, phương án được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đáp ứng các điều kiện sau:

a) Khách hàng đáp ứng đủ điều kiện cấp tín dụng theo quy định của pháp luật, không có nợ xấu trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, có hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính năm của khách hàng tại thời điểm gần nhất với thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn không quá ba lần.

b) Khách hàng có nhu cầu vốn để thực hiện các dự án, phương án sản xuất kinh doanh nhằm thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội của đất nước thuộc một trong các trường hợp sau:

- Triển khai các dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội quan trọng, cấp thiết nhằm thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân thuộc các ngành, lĩnh vực: điện, than, dầu khí, xăng dầu, giao thông, vận tải công cộng và các lĩnh vực khác theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong từng thời kỳ.

- Triển khai các chương trình, dự án đầu tư được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

- Đầu tư vào các lĩnh vực ưu tiên, khuyến khích theo Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ về phát triển kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

c) Dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn đã được tổ chức tín dụng thẩm định và đánh giá là khả thi, khách hàng có khả năng trả nợ và quyết định cấp tín dụng; đáp ứng các quy định hiện hành về đầu tư và xây dựng, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sản xuất kinh doanh và đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

2. Tổ chức tín dụng đáp ứng các điều kiện sau:

a) Về cấp tín dụng hợp vốn:

- Đã đề xuất và thực hiện các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật về việc cấp tín dụng hợp vốn đối với các dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn mà khả năng hợp vốn của các tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được yêu cầu vay vốn của một khách hàng; hoặc

- Đã phát hành thư mời hợp vốn tới ít nhất 5 tổ chức tín dụng khác; đăng tải thư mời hợp vốn trên trang thông tin điện tử chính thức của tổ chức tín dụng

và Tạp chí Ngân hàng hoặc Thời báo Ngân hàng trong thời gian ít nhất 30 ngày nhưng không có tổ chức tín dụng khác tham gia hợp vốn.

b) Tại thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn, tổ chức tín dụng đáp ứng các yêu cầu về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng.

c) Thực hiện đầy đủ các yêu cầu liên quan đến trách nhiệm, nghĩa vụ được nêu tại hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn và các văn bản phê duyệt chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn trước đó.

d) Đảm bảo tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng tại khoản 8 Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 khi tính cả khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đang đề nghị.

#### **Điều 4. Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Hồ sơ tổ chức tín dụng báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

Hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là bản sao được cấp từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có dấu xác nhận của tổ chức tín dụng, bao gồm:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan theo mẫu tại Phụ lục đính kèm Quyết định này;

b) Các hồ sơ, tài liệu chứng minh tổ chức tín dụng đã đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

c) Văn bản thẩm định của tổ chức tín dụng đối với khách hàng, dự án, phương án vay vốn của khách hàng;

d) Văn bản phê duyệt cấp tín dụng đối với khách hàng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng đề nghị;

đ) Văn bản đề nghị được cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng của khách hàng;

e) Hồ sơ liên quan đến khách hàng đề nghị cấp tín dụng, bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận thành lập, Quyết định thành lập hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức; báo cáo tài chính đã được kiểm toán của 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; các tài liệu liên quan khác (nếu có);

g) Hồ sơ pháp lý liên quan đến dự án, phương án đề nghị cấp tín dụng, bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản phê duyệt, chấp thuận dự án, phương án của cấp có thẩm quyền.

- Các tài liệu có liên quan khác.

h) Báo cáo về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

2. Hồ sơ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ bao gồm Tờ trình của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kèm theo các tài liệu sau:

a) Văn bản của tổ chức tín dụng đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó;

b) Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương có liên quan;

c) Văn bản giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng (nếu có);

d) Các tài liệu có liên quan khác (nếu có).

### **Điều 5. Xác định mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn**

Mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó được xác định theo công thức:

$$\text{MCTDTĐ} = \text{TMDN} + \text{ĐN}$$

Trong đó:

- MCTDTĐ là mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn;
- TMDN là tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo;
- ĐN là số tiền đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận.

Trong công thức trên, TMDN và ĐN được xác định như sau:

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng tại thời điểm báo cáo (TMDN) được tính vào mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn là tổng mức dư nợ cấp tín dụng của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại tổ chức tín dụng tại thời điểm báo cáo, bao gồm:

a) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đã cấp trong giới hạn cho phép thuộc thẩm quyền của tổ chức tín dụng; hoặc

b) Tổng mức dư nợ cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn còn hiệu lực tính đến thời điểm báo cáo.

2. Đề nghị cấp tín dụng mới được chấp thuận (ĐN):

Số tiền đề nghị mới được tính vào mức cấp tín dụng tối đa là tổng số tiền của khoản tín dụng mới được Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn.

### **Điều 6. Thủ tục xem xét cấp tín dụng vượt giới hạn**

1. Tổ chức tín dụng gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1, Điều 4 Quyết định này trực tiếp tại Bộ phận một cửa hoặc qua dịch vụ bưu chính.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của tổ chức tín dụng:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương có liên quan về các khía cạnh kinh tế - kỹ thuật - pháp lý của dự án, phương án và khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các bộ, ngành, địa phương có ý kiến bằng văn bản về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị mình gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam yêu cầu tổ chức tín dụng, khách hàng giải trình về các vấn đề có liên quan (nếu có).

4. Sau khi nhận được ý kiến của các Bộ, ngành, địa phương hoặc ý kiến giải trình của tổ chức tín dụng, khách hàng, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn do tổ chức tín dụng cung cấp:

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng không đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có văn bản thông báo cho tổ chức tín dụng trong đó ghi rõ các điều kiện mà tổ chức tín dụng chưa đáp ứng được.

- Trường hợp hồ sơ của tổ chức tín dụng đã hợp lệ, đã đáp ứng điều kiện tại Điều 3 Quyết định này, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

5. Căn cứ đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, ý kiến của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các Bộ, ngành, địa phương, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến bằng văn bản đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

##### **Điều 7. Tổ chức thực hiện**

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



a) Chịu trách nhiệm thẩm định tính hợp lý, hợp lệ của hồ sơ do tổ chức tín dụng cung cấp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét quyết định đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn, đảm bảo tuân thủ các điều kiện, thủ tục theo quy định tại Quyết định này;

b) Thanh tra, giám sát việc thực hiện cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng.

c) Định kỳ hàng năm, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt còn hiệu lực.

## 2. Các bộ, ngành, địa phương

a) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có ý kiến đối với đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định này.

b) Chịu trách nhiệm đối với các nội dung đã tham gia ý kiến đối với dự án, phương án, khách hàng đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn; chịu trách nhiệm khác trong phạm vi quản lý nhà nước của đơn vị mình đối với dự án, phương án, khách hàng được cấp tín dụng vượt giới hạn theo quy định của pháp luật.

c) Giám sát hiệu quả hoạt động của các phương án, dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt cấp tín dụng vượt giới hạn trong phạm vi quản lý nhà nước của mình.

## 3. Tổ chức tín dụng

a) Nghiêm túc thực hiện đúng các nội dung tại văn bản thông báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và ý kiến bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ về đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng; chỉ được sử dụng mức cấp tín dụng tối đa được phê duyệt cho từng dự án, phương án cụ thể đã đề nghị và được chấp thuận;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, tham mưu Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn của tổ chức tín dụng;

c) Chịu trách nhiệm về việc thẩm định, cấp tín dụng, kiểm tra, giám sát sau cho vay, thu hồi nợ vay (gốc và lãi), xử lý rủi ro (nếu có), theo quy định đối với khoản cấp tín dụng vượt giới hạn;

d) Giám sát chặt chẽ, đảm bảo việc khách hàng sử dụng vốn vay đúng mục đích và định kỳ ngày 12 hàng tháng báo cáo tình hình thực hiện khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo mẫu biểu số 02, 03 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

## **Điều 8. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024

2. Các trường hợp cấp tín dụng vượt giới hạn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực tiếp tục thực hiện theo các văn bản phê duyệt trước đó.

3. Quyết định này thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg ngày 06/03/2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội,
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể,
- VPCP, BTCN, các PCN, Trại lý TTCP,
- Công TTTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b).XH

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

**Phụ lục**

*Kèm theo Quyết định .../2024/QĐ-TTg ngày .../.../2024 của Thủ tướng Chính phủ*

**TÊN TCTD, CHI NHÁNH NGÂN  
HÀNG NƯỚC NGOÀI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày .... tháng .... năm ....

V/v đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn  
đối với khách hàng, khách hàng và  
người có liên quan

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Căn cứ Quyết định số...../2024/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ quy định điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị chấp thuận mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) báo cáo và kính đề nghị Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét, báo cáo Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn đối với trường hợp sau đây:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Tên doanh nghiệp: .....
2. Địa chỉ trụ sở chính: .....
3. Ngành nghề sản xuất kinh doanh:.....
4. Vốn điều lệ, thông tin về quan hệ sở hữu, điều hành, các cổ đông chính;
5. Phân tích tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, nợ phải trả/vốn chủ sở hữu, xếp hạng tín nhiệm của TCTD đối với khách hàng, phân loại nợ.

**II. THÔNG TIN VỀ KHOẢN TÍN DỤNG ĐỀ NGHỊ CẤP TÍN DỤNG VƯỢT GIỚI HẠN**

1. Báo cáo rõ giá trị, thời gian giải ngân, thời gian vay vốn, loại tiền và mục đích của khoản cấp tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho phép cấp tín dụng vượt giới hạn; văn bản phê duyệt cấp tín dụng của cấp có thẩm quyền của tổ chức tín dụng.

2. Thông tin cơ bản về dự án, phương án sản xuất kinh doanh đề nghị được cấp tín dụng vượt giới hạn<sup>1</sup>: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, hồ sơ pháp

<sup>1</sup> Bao gồm cả các chương trình, dự án đầu tư của doanh nghiệp được thực hiện từ nguồn vốn phát hành trái phiếu

lý, tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn, các tổ chức tín dụng tham gia tài trợ và các thông tin liên quan khác.

- Trường hợp tổ chức tín dụng đề nghị cấp hạn mức vốn lưu động: Tóm tắt kế hoạch sản xuất kinh doanh kỳ kế hoạch (Doanh thu, chi phí, lợi nhuận), xác định vòng quay vốn, xác định nhu cầu vốn lưu động bình quân, khả năng đáp ứng bằng vốn tự có, tổng nhu cầu vốn đề nghị cấp tín dụng tại hệ thống các tổ chức tín dụng (trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng), vốn khác.

- Trường hợp cấp tín dụng trung, dài hạn để thực hiện nhiều dự án nhỏ phục vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm của doanh nghiệp: nêu rõ tổng số dự án doanh nghiệp thực hiện theo kế hoạch sản xuất kinh doanh đã được phê duyệt; tổng nhu cầu vốn tín dụng trung, dài hạn của doanh nghiệp tại hệ thống các tổ chức tín dụng để thực hiện các dự án, trong đó liệt kê cụ thể nhu cầu vốn tại từng tổ chức tín dụng, nhu cầu vốn của từng dự án.

3. Sự phù hợp với quy hoạch, tầm quan trọng, ý nghĩa của dự án, phương án sản xuất kinh doanh đối với sự phát triển kinh tế xã hội; ý nghĩa của khoản cấp tín dụng đối với kế hoạch, chiến lược kinh doanh, phát triển khách hàng của tổ chức tín dụng.

4. Tình hình thu xếp hợp vốn đối với khoản cấp tín dụng.

5. Ý kiến thẩm định của tổ chức tín dụng về năng lực hoạt động của khách hàng, tính khả thi của dự án, phương án sản xuất kinh doanh, rủi ro có thể phát sinh, phương án phòng ngừa rủi ro, xử lý rủi ro và đánh giá về khả năng trả nợ của khách hàng.

### **III. TÌNH HÌNH QUAN HỆ TÍN DỤNG:**

- Nêu rõ tình hình quan hệ tín dụng hiện tại và lịch sử vay trả nợ; tình hình quan hệ tín dụng với các tổ chức tín dụng khác (nếu có).

- Điền và đính kèm mẫu biểu về tình hình quan hệ tín dụng và nhu cầu cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng, khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó tại Mẫu biểu số 01 tại Phụ lục đính kèm Quyết định này.

### **IV. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC TÍN DỤNG**

- Tình hình vốn tự có tại thời điểm gần nhất.

- Tình hình thực hiện quy định hiện hành về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Luật các TCTD tại thời điểm gần nhất; đánh giá tác động của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đến các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn này.

- Tình hình thực hiện các khoản cấp tín dụng vượt giới hạn đối với khách hàng đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận (nếu có).

### **V. KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC TÍN DỤNG:**

1. Kiến nghị rõ loại hình cấp tín dụng vượt giới hạn mà tổ chức tín dụng đề nghị Thủ tướng Chính phủ chấp thuận và mức cấp tín dụng tối đa vượt giới hạn.

2. Cam kết tự quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng vượt giới hạn.

(Tên tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) xin cam kết tự xem xét, quyết định và tự chịu trách nhiệm về việc cấp tín dụng và thu hồi nợ vay; chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự trung thực, chính xác của nội dung trong văn bản đề nghị, các tài liệu kèm theo và chấp hành nghiêm túc các quy định tại Quyết định số...../2024/QĐ-TTg ngày.....tháng.... năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)*

Nơi gửi:

- Như trên;

....



| 2     | Người có liên quan của khách hàng A   | Quy VND        |  |  |  |  |  |
|-------|---|----------------|--|--|--|--|--|
|       | Chi tiết theo loại tiền   | VND            |  |  |  |  |  |
|       |   | USD            |  |  |  |  |  |
|       |   | .....          |  |  |  |  |  |
|       | (Trong đó chi tiết theo người có liên quan. Người có liên quan xác định theo Luật các TCTD năm 2024). |                |  |  |  |  |  |
| 2.1   | Công ty A1  |                |  |  |  |  |  |
| 2.1.1 | Ngắn hạn  |                |  |  |  |  |  |
|       | Hợp đồng cấp tín dụng<br>....ký ngày.....   |                |  |  |  |  |  |
|       | .....   |                |  |  |  |  |  |
| 2.1.2 | Trung, dài hạn  |                |  |  |  |  |  |
|       | Hợp đồng cấp tín dụng<br>....ký ngày.....   |                |  |  |  |  |  |
|       | .....   |                |  |  |  |  |  |
| 2.2   | Công ty A2  |                |  |  |  |  |  |
|       | .....   |                |  |  |  |  |  |
|       | <b>Tổng cộng (1.) và (2.)</b>   | <b>Quy VND</b> |  |  |  |  |  |
|       | Chi tiết theo loại tiền   | <b>VND</b>     |  |  |  |  |  |
|       |   | <b>USD</b>     |  |  |  |  |  |
|       |   | .....          |  |  |  |  |  |

....., Ngày.....tháng.....năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

**KIỂM SOÁT**

**LẬP BIỂU**

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)





|     |   |                |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|---|----------------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
| ... |   |                |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2   | <b>Khách hàng B</b><br>(= 2.1 + 2.2 + ...)      |                |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.1 | <b>Khoản vay 1</b><br>(Chi tiết theo loại tiền) | <b>Quy VND</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | VND            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | USD            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | ...            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2.2 | <b>Khoản vay 2</b><br>(Chi tiết theo loại tiền) | <b>Quy VND</b> |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | VND            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | USD            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     |   | ...            |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |   |                |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Chú thích:**

1. Tỷ giá ..... tại thời điểm ...../...../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm ...../...../.....

**Lập biên**

(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

**KIỂM SOÁT**

....., ngày ..... tháng ..... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

1. **Đối tượng áp dụng:** Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.
2. **Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau Quý báo cáo.

4. **Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Đối với mỗi khoản vay và khách hàng được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (5) ghi rõ mức cấp tín dụng vượt giới hạn được chấp thuận đối với từng khoản cho vay và mức cấp tín dụng tối đa đối với khách hàng đã được phê duyệt, cột (15) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.
- Cột (10) = Cột (6) + cột (7) + cột (8) + cột (9);
- Cột (11) = Cột (10)/vốn tự có tại thời điểm báo cáo
- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.
- Cột (17) Ghi chú: ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....



|     |   |                   |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|-----|---|-------------------|---------|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|--|
|     |   | ...               |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 1.2 | Người có liên quan đến A (= Công ty A1 + A2+...)<br>(Chỉ tiết theo loại tiền) | VND<br>USD<br>... | Quy VND |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     | - Công ty A1  | VND<br>USD<br>... |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     | - Công ty A2  |                   |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2   | Khách hàng B và người có liên quan đến B (=2.1 + 2.2)                         |                   |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|     | ....  |                   |         |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**Chú thích:**

1. Tỷ giá ..... tại thời điểm ...../...../.....
2. Vốn tự có của TCTD tại thời điểm ...../...../.....

....., ngày .... tháng .... năm ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên, chức vụ)

**KIỂM SOÁT**

**Lập biểu**  
(Ghi rõ số điện thoại liên hệ)

1. **Đối tượng áp dụng:** Các tổ chức tín dụng có khoản cấp tín dụng vượt giới hạn được phê duyệt còn hiệu lực.
2. **Yêu cầu số liệu báo cáo:** Trụ sở chính tổ chức tín dụng tổng hợp số liệu toàn hệ thống gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
3. **Thời hạn gửi báo cáo:** Chậm nhất ngày 12 của tháng tiếp theo ngay sau Quý báo cáo.
4. **Hướng dẫn lập báo cáo:**

- Đối với mỗi khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan được chấp thuận cấp tín dụng vượt giới hạn: Cột (05) ghi rõ mức tín dụng tối đa vượt giới hạn được chấp thuận đối với một khách hàng và/hoặc một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó, cột (16) ghi rõ số công văn và ngày, tháng, năm của công văn chấp thuận việc cấp tín dụng vượt giới hạn.
- Cột (10) = Cột (6) + cột (7) + cột (8) + cột (9);
- Cột (11) = Cột (10)/vốn tự có tại thời điểm báo cáo
- Cột (12): Ghi nhóm nợ của từng khách hàng, nhận các giá trị (1, 2, 3, 4, 5).
- Cột (14): Ghi rõ thông tin hình thức bảo đảm tiền vay; bao gồm hình thức bảo đảm là cầm cố, thế chấp, bảo lãnh, ký quỹ, tín chấp.
- Cột (17) Ghi chú: ghi rõ mục đích sử dụng vốn vay, thời hạn hiệu lực của khoản cấp tín dụng vượt giới hạn (nếu có),....

**BẢN GIẢI TRÌNH TIẾP THU Ý KIẾN CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN VÀ TCTD**

| STT      | Đơn vị góp ý  | Điều/Khoản | Nội dung góp ý   | Giải trình về việc tiếp thu/không tiếp thu ý kiến   |
|----------|---|------------|--|---|
| <b>1</b> | <b>Các Bộ, ngành</b>                                |            |  |   |
| <b>1</b> | <b>Bộ Nội Vụ</b>                                    |            |  |   |
|          |   |            | Thông nhất với dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng   |   |
| <b>2</b> | <b>Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp</b> |            |  |   |
|          |   |            | Thông nhất, không có ý kiến gì khác với dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng  |   |
| <b>3</b> | <b>Bộ Xây dựng (qua trao đổi)</b>                   |            |  |   |
|          |   |            | Bộ Xây dựng thông nhất với quy định tại khoản 2, Điều 6 và khoản 3, Điều 7 của dự thảo Quyết định. Đối với các nội dung khác, Bộ Xây dựng không thuộc chức năng, nhiệm vụ nên không có ý kiến. |   |
| <b>4</b> | <b>Bộ Ngoại giao (qua trao đổi)</b>                 |            |  |   |
|          |   |            | Thông nhất, không có ý kiến gì khác với dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định do NHNN chủ trì xây dựng  |   |
| <b>5</b> | <b>Bộ Giao thông vận tải</b>                        |            |  |   |
|          |   |            | Điều 3   | Không tiếp thu, vì:<br>- Việc xem xét cho phép tổ chức tín dụng được cấp tín dụng vượt giới hạn quy định tại Điều 136 Luật các tổ chức tín dụng 2024 sẽ làm tăng mức độ tập trung tín dụng của tổ chức tín dụng đối với một khách hàng, khách hàng và người có liên quan, ảnh hưởng đến an toàn hoạt động cho tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, khoản đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn là dự án, phương án có ý nghĩa kinh tế - xã hội lớn, mức đề nghị cấp tín lớn. Vì vậy, khách hàng vay vốn được đề nghị cấp tín dụng vượt giới hạn cần có tình hình tài chính được các TCTD đánh giá là lành mạnh, có khả năng về tài chính và có khả năng trả nợ,... |
|          |   |            | Điều 3   | - Bên cạnh đó, nội dung này giữ nguyên như quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai thực hiện không phát sinh, vướng mắc.<br>Vì vậy, NHNN xét thấy, việc quy định tại dự thảo Quyết định là cần thiết và phù hợp.   |

|                               |   |   |   |
|-------------------------------|---|---|---|
|                               |   | <p>Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về điều kiện, hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn có tác động lớn đến việc hoạt động đầu tư theo phương thức đối tác công tư, do đó, đề nghị NHNN lấy thêm ý kiến của nhà đầu tư doanh nghiệp dự án... là đối tượng chịu tác động của chính sách này.</p> | <p>Về đề nghị này, NHNN giải trình như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện quy định tại Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, NHNN đã đăng tải dự thảo Quyết định thay thế Quyết định 13/2018/QĐ-TTg lên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng thông tin điện tử của NHNN để lấy ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân; trong đó có doanh nghiệp, nhà đầu tư là đối tượng chịu tác động của chính sách này.</li> <li>- Ngoài ra, NHNN đã có văn bản xin ý kiến đối với Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là đại diện cho ý kiến các doanh nghiệp.</li> </ul> |
| <b>6</b>                      | <b>Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam</b>  |   |   |
|                               | Văn bản xin ý kiến và nội dung nghiệp vụ chuyên ngành của NHNN, Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không tham gia ý kiến. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện Quyết định theo đúng quy định |   |   |
| <b>II Ý kiến của các TCTD</b> |   |   |   |
| <b>1</b>                      | <b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (02 lần)</b>   |   |   |
|                               | Điều 3  | <p>Điểm a, khoản 1, Điều 3, đề nghị sửa đoạn: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm gần nhất trước năm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>" thành: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>"</p>   | <p>Tiếp thu, đã chỉnh sửa theo hướng: "<i>không có nợ xấu trong 02 năm liền kề trước thời điểm đề nghị cấp tin dụng vượt giới hạn...</i>"</p>   |
|                               | Điều 3  | <p>Điểm c, khoản 1, Điều 3 và điểm d, khoản 1, Điều 4, đề xuất sửa cụm từ: "<i>quyết định cấp tin dụng</i>" và "<i>phê duyệt cấp tin dụng</i>" thành "<i>đồng ý cấp tin dụng</i>"</p>   | <p>Không tiếp thu, vì: Nội dung này giữ nguyên theo quy định tại Quyết định 13/2018/QĐ-TTg và trong quá trình triển khai không phát sinh khó khăn, vướng mắc.</p>   |